

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư  
Chứng khoán Vietcombank**

(Trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 36

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank) ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 5 tháng 6 năm 2023, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Avinash Deepak Satwalekar	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017
Bà Đoàn Hồng Nhung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Christian Bucaro	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Bùi Sỹ Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2016
Ông Vũ Quang Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017
Ông Stephen Grundlingh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023

### BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Điều hành và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Quang Đông	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017
Ông Bùi Sỹ Tân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022
Bà Trần Thị Hà Linh	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông – Tổng Giám đốc của Công ty.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 13489308/67636571-SX

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank) ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Điều hành***

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này vào ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này vào ngày 31 tháng 3 năm 2023.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Phương Nga  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>319.427.553.169</b>	<b>303.487.542.803</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.262.409.390</b>	<b>6.986.641.370</b>
111	1. Tiền		2.262.409.390	6.986.641.370
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>302.315.739.770</b>	<b>279.220.708.752</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		305.281.362.920	290.373.490.777
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.965.623.150)	(11.152.782.025)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>14.186.203.949</b>	<b>16.102.903.644</b>
132	1. Trả trước cho người bán		121.000.000	160.152.000
134	2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	8.261.520.944	11.765.816.635
135	3. Các khoản phải thu khác	6.2	5.803.683.005	4.176.935.009
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>663.200.060</b>	<b>1.177.289.037</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	582.164.730	1.145.696.737
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		81.035.330	31.592.300
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>43.713.893.438</b>	<b>44.421.734.072</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>2.561.455.978</b>	<b>3.316.135.264</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8.1	947.972.104	1.246.058.188
222	Nguyên giá tài sản cố định		5.396.982.214	5.396.982.214
223	Khấu hao tài sản cố định		(4.449.010.110)	(4.150.924.026)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8.2	1.613.483.874	2.070.077.076
228	Nguyên giá tài sản cố định		4.729.828.000	4.729.828.000
229	Hao mòn tài sản cố định		(3.116.344.126)	(2.659.750.924)
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.152.437.460</b>	<b>1.105.598.808</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	50.585.760	3.747.108
268	2. Tài sản dài hạn khác	10	1.101.851.700	1.101.851.700
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>363.141.446.607</b>	<b>347.909.276.875</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.814.070.710</b>	<b>7.207.892.949</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.814.070.710</b>	<b>7.207.892.949</b>
312	1. Phải trả người bán		267.345.920	-
314	2. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	11	4.319.817.479	114.928.697
315	3. Phải trả người lao động		246.000.000	3.713.279.071
316	4. Chi phí phải trả	12	78.184.496	1.590.936.429
319	5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		34.548.787	552.074.724
323	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	1.868.174.028	1.236.674.028
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>356.327.375.897</b>	<b>340.701.383.926</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	14	265.000.000.000	265.000.000.000
417	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849
418	3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383
419	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		79.551.990.479	63.925.998.508
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>363.141.446.607</b>	<b>347.909.276.875</b>



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

B01a-CTQ

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
005	1. Ngoại tệ các loại		9.489.712	9.489.712
006	2. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		44.432.900.000	35.498.600.000
	Trong đó:			
007	2.1. Chứng khoán giao dịch		44.432.900.000	35.498.600.000
020	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ		165.633.069.200	169.771.769.200
030	4. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	15	81.363.789.030	110.019.593.554
031	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		75.497.539.259	108.181.406.622
032	- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		5.866.249.771	1.838.186.932
040	5. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	16	3.248.597.292.127	2.828.102.542.650
041	- Nhà đầu tư ủy thác trong nước		2.630.679.745.290	2.239.094.183.899
042	- Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		617.917.546.837	589.008.358.751
050	6. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	17	32.416.581.182	39.587.018.198
051	7. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	18	14.790.982.688	10.667.909.206

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B02a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
01	<b>1. Doanh thu</b>	<b>19</b>	<b>27.185.974.026</b>	<b>27.449.581.303</b>
11	<b>2. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(8.079.961.250)</b>	<b>(7.711.463.248)</b>
20	<b>3. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 01 - 11)</b>		<b>19.106.012.776</b>	<b>19.738.118.055</b>
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8.716.933.262	6.047.699.863
22	5. Chi phí tài chính	22	8.164.210.566	(4.321.077.234)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	(14.394.830.008)	(12.018.393.123)
30	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25)</b>		<b>21.592.326.596</b>	<b>9.446.347.561</b>
50	<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)</b>		<b>21.592.326.596</b>	<b>9.446.347.561</b>
51	9. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	(4.466.334.625)	(2.771.557.796)
52	10. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	863.090.345
60	<b>11. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>17.125.991.971</b>	<b>7.537.880.110</b>

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

B03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		31.795.536.261	45.305.409.426
02	2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(7.389.675.621)	(8.346.108.876)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(12.909.893.243)	(16.430.360.103)
05	4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(139.976.666)	(3.922.967.915)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		130.329.600	1.033.986.378
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.373.683.243)	(10.119.662.487)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>3.112.637.088</b>	<b>7.520.296.423</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(118.463.946.681)	(40.800.000.000)
24	2. Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ của đơn vị khác		101.284.030.385	14.879.589.042
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(50.000.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.092.124.042	-
27	5. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia		4.250.923.186	2.700.347.539
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(7.836.869.068)</b>	<b>(73.220.063.419)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(4.724.231.980)</b>	<b>(65.699.766.996)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	6.986.641.370	65.986.819.255
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	200.658
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.262.409.390	287.252.917

Người lập:

Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ		Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022 VND	Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND	Kỳ trước		Kỳ này	
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	-	265.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển		4.301.548.849	4.301.548.849	-	-	-	4.301.548.849
3. Quỹ dự phòng tài chính		5.181.385.383	5.181.385.383	-	-	-	5.181.385.383
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.292.451.186	2.292.451.186	-	-	-	2.292.451.186
5. Lợi nhuận chưa phân phối		59.149.077.708	63.925.998.508	7.537.880.110	(3.529.500.000)	17.125.991.971	63.157.457.818
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>335.924.463.126</b>	<b>340.701.383.926</b>	<b>7.537.880.110</b>	<b>(3.529.500.000)</b>	<b>17.125.991.971</b>	<b>339.932.843.236</b>

Người lập:



Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người kiểm soát:



Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank) (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669, đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần gần nhất ngày 5 tháng 6 năm 2023, do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty đặt văn phòng tại Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại Tầng 14, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 44 người (31 tháng 12 năm 2022: 44 người).

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

**3.4 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư khác bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng.

**Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank

(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

### 3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

### 3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### 3.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm
Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf	20 năm

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác**

Vốn nhận ủy thác và tài sản ủy thác hình thành từ việc sử dụng vốn nhận ủy thác từ các nhà đầu tư được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác phát sinh từ các khoản đầu tư ủy thác như: khoản lãi của khoản đầu tư ủy thác đã đến kỳ thu nhưng chưa thu được, các quyền lợi khác mà nhà đầu tư ủy thác được hưởng và các khoản phải thu khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác như các khoản phí phải trả cho Công ty và các khoản phải trả khác được ghi nhận và theo dõi trên các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty.

**3.11 Lợi ích nhân viên**

**3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

**3.11.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện**

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

**3.11.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Các quỹ**

Các quỹ của Công ty được trích lập theo Nghị quyết của Hội đồng thành viên phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý*

Phí quản lý được tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

*Phí tư vấn đầu tư*

Phí tư vấn đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng tư vấn đầu tư.

*Phí thưởng hoạt động*

Phí thưởng hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có phát sinh, nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức cơ bản được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

*Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

UB  
H NI  
IST  
VIỆ  
-7

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Các khoản mục không có số dư**

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

**3.18 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu và trình bày*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau khi ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền mặt	2.048.850	4.814.719
Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng	2.260.360.540	6.981.826.651
	<b>2.262.409.390</b>	<b>6.986.641.370</b>

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Đầu tư vào chứng chỉ quỹ (i)	127.924.097.779	132.128.639.962
Đầu tư vào trái phiếu niêm yết (ii)	44.478.828.326	35.532.995.773
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (iii)	132.878.436.815	122.711.855.042
	<b>305.281.362.920</b>	<b>290.373.490.777</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (iv)	(2.965.623.150)	(11.152.782.025)
	<b>302.315.739.770</b>	<b>279.220.708.752</b>

(i) Chi tiết các khoản đầu tư vào chứng chỉ quỹ như sau:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá gốc VND	Số lượng (chứng chỉ quỹ)	Giá gốc VND
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược ("VCBF-TBF")	1.334.027,88	13.393.639.981	1.334.027,88	13.393.639.981
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu ("VCBF-BCF")	1.368.027,88	13.734.999.981	1.368.027,88	13.734.999.981
Quỹ Đầu tư Trái phiếu ("VCBF-FIF")	5.000.000,24	50.795.457.817	5.413.870,24	55.000.000.000
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng ("VCBF-MGF")	4.861.250,92	50.000.000.000	4.861.250,92	50.000.000.000
	<b>12.563.306,92</b>	<b>127.924.097.779</b>	<b>12.977.176,92</b>	<b>132.128.639.962</b>

(ii) Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu niêm yết do các tổ chức kinh tế phát hành bằng VND kỳ hạn từ 3 đến 5 năm và hưởng lãi suất năm từ 9,50% đến 11,48% tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (31/12/2022: từ 9,60% đến 11,40%).

(iii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất năm từ 6,70% đến 10,20% (31/12/2022: từ 4,60% đến 10,20%).

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
<b>Đầu tư vào chứng chỉ quỹ</b>				
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng ("VCBF-MGF")	4.861.250,92	2.733.522.567	4.861.250,92	10.926.723.480
<b>Đầu tư vào trái phiếu niêm yết</b>				
VHM121025	78.779	228.486.906	-	-
MSN121015	1.000	3.613.677	48.941	116.710.543
MSN120012	-	-	60.000	109.348.002
		<b>2.965.623.150</b>		<b>11.152.782.025</b>

Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
<b>Đầu kỳ</b>	<b>11.152.782.025</b>	<b>310.791</b>
Trích lập trong kỳ	228.486.906	4.315.762.517
Hoàn nhập trong kỳ	(8.415.645.781)	(310.791)
<b>Cuối kỳ</b>	<b>2.965.623.150</b>	<b>4.315.762.517</b>

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

		Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	8.261.520.944	11.765.816.635
Các khoản phải thu khác	6.2	5.803.683.005	4.176.935.009
Trả trước cho người bán		121.000.000	160.152.000
		<b>14.186.203.949</b>	<b>16.102.903.644</b>

**6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phí quản lý phải thu	7.152.853.651	6.411.044.268
Phải thu phí tư vấn đầu tư	351.225.001	351.150.000
Phải thu phí thưởng hoạt động	-	4.254.731.030
Phải thu khác từ hoạt động nghiệp vụ	757.442.292	748.891.337
	<b>8.261.520.944</b>	<b>11.765.816.635</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**6.2 Các khoản phải thu khác**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	5.094.902.739	3.315.820.441
Lãi phải thu từ trái phiếu	611.753.424	769.189.704
Các khoản phải thu khác	97.026.842	91.924.864
	<b>5.803.683.005</b>	<b>4.176.935.009</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>582.164.730</b>	<b>1.145.696.737</b>
Chi phí thuê máy chủ VNPT Icloud	351.506.100	703.012.200
Dịch vụ bảo trì	84.553.870	143.702.998
Cước thuê đường truyền Metronet	78.632.400	31.452.960
Chi phí tư vấn	51.765.691	54.474.410
Công cụ dụng cụ	15.706.669	113.054.169
Phí hiệp hội thị trường Trái phiếu	-	100.000.000
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>50.585.760</b>	<b>3.747.108</b>
Cước phí internet	50.585.760	3.747.108
	<b>632.750.490</b>	<b>1.149.443.845</b>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

**8.1 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải VND</i>	<i>Thiết bị văn phòng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	4.033.871.214	1.363.111.000	5.396.982.214
Số cuối kỳ	4.033.871.214	1.363.111.000	5.396.982.214
<b>Giá trị khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	2.960.924.892	1.189.999.134	4.150.924.026
Khấu hao trong kỳ	216.667.086	81.418.998	298.086.084
Số cuối kỳ	3.177.591.978	1.271.418.132	4.449.010.110
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	1.072.946.322	173.111.866	1.246.058.188
Số cuối kỳ	856.279.236	91.692.868	947.972.104

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 2.308.463.214 VND (31/12/2022: 2.308.463.214 VND).

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**

**8.2 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Phần mềm máy vi tính VND</i>	<i>Thẻ hội viên câu lạc bộ chơi golf VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	3.151.300.000	1.578.528.000	4.729.828.000
Số cuối kỳ	3.151.300.000	1.578.528.000	4.729.828.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	1.449.121.789	1.210.629.135	2.659.750.924
Hao mòn trong kỳ	417.130.002	39.463.200	456.593.202
Số cuối kỳ	1.866.251.791	1.250.092.335	3.116.344.126
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	1.702.178.211	367.898.865	2.070.077.076
Số cuối kỳ	1.285.048.209	328.435.665	1.613.483.874

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Phản ánh khoản đầu tư của Công ty vào trái phiếu do các tổ chức tín dụng phát hành bằng VND với kỳ hạn 7 đến 10 năm và hưởng lãi suất năm từ 6,60% đến 8,70% tại ngày kết thúc kỳ kế toán (31/12/2022: từ 6,60% đến 8,70%).

**10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác phản ánh các khoản đặt cọc thuê văn phòng của Công ty.

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Ngày 1 tháng 1 năm 2023 VND</i>	<i>Tăng/(giảm) trong kỳ</i>		<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>
		<i>Tăng trong kỳ VND</i>	<i>Đã trả trong kỳ VND</i>	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(553.376.061)	4.466.334.625	(139.976.666)	3.772.981.898
Thuế thu nhập cá nhân	562.556.799	4.591.673.567	(4.635.785.454)	518.444.912
Thuế giá trị gia tăng	105.747.959	115.154.650	(192.511.940)	28.390.669
Thuế nhà thầu	-	122.242.029	(122.242.029)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<b>114.928.697</b>	<b>9.298.404.871</b>	<b>(5.093.516.089)</b>	<b>4.319.817.479</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thưởng cho nhân viên	20.824.000	1.568.122.219
Chi phí phải trả khác	57.360.496	22.814.210
	<b>78.184.496</b>	<b>1.590.936.429</b>

**13. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

Thay đổi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Đầu kỳ</b>	<b>1.236.674.028</b>	<b>1.709.833.236</b>
Trích lập trong kỳ	1.500.000.000	3.529.500.000
Sử dụng trong kỳ	(868.500.000)	(3.023.269.208)
<b>Cuối kỳ</b>	<b>1.868.174.028</b>	<b>2.216.064.028</b>

**14. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Cơ cấu vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>VND</i>	<i>%</i>	<i>VND</i>	<i>%</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	135.150.000.000	51,00	135.150.000.000	51,00
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	129.850.000.000	49,00	129.850.000.000	49,00
	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>265.000.000.000</b>	<b>100,00</b>



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**15. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

Biến động tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong kỳ như sau:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
<b>Đầu kỳ</b>	<b>110.019.593.554</b>	<b>54.495.007.668</b>
(Giảm)/tăng trong kỳ	(28.655.804.524)	22.692.515.107
<b>Cuối kỳ</b>	<b>81.363.789.030</b>	<b>77.187.522.775</b>

Chi tiết tiền gửi các nhà đầu tư ủy thác như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>75.497.539.259</b>	<b>108.181.406.622</b>
Nhà đầu tư AM016	43.928.533.989	13.034.651.083
Nhà đầu tư UL01	11.424.676.558	4.315.565.017
Nhà đầu tư UL02	6.628.547.980	70.644.924.488
Nhà đầu tư AMI59	4.203.453.190	-
Nhà đầu tư AMI29	1.509.849.893	268.775.996
Nhà đầu tư AM037	1.489.444.239	11.717.861.197
Nhà đầu tư AM033	789.450.522	453.991.411
Nhà đầu tư AM034	512.568.291	245.072.603
Nhà đầu tư AM035	496.965.601	544.280.824
Nhà đầu tư AM036	187.829.583	336.757.918
Nhà đầu tư AMI58	114.420.637	-
Các nhà đầu tư khác	4.211.798.776	6.619.526.085
<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>5.866.249.771</b>	<b>1.838.186.932</b>
Nhà đầu tư AM20	5.866.249.771	1.838.186.932
	<b>81.363.789.030</b>	<b>110.019.593.554</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>2.290.347.585.122</b>	<b>1.720.846.178.802</b>
<i>Chi tiết cổ phiếu niêm yết bị giảm giá:</i>		
BMI	21.039.215.017	13.500.149.300
BVH	89.037.370.503	76.514.100.741
DCM	40.928.640.000	40.929.218.600
DGW	459.127.660	-
IJC	40.357.420.265	40.588.493.200
INN	235.999.980	-
LHG	44.461.146.631	40.945.971.400
MCM	757.043.865	-
MSB	793.518.495	-
PAC	8.723.472.446	8.723.502.688
PHR	53.348.576.666	46.604.165.100
SAS	1.823.970.014	870.037.000
SCS	64.124.495.552	-
SMC	12.266.366.814	12.266.243.100
TCB	1.975.425.000	1.975.425.000
VGG	2.320.003.336	-
VHM	61.675.948.799	61.142.775.620
VIC	67.066.869.440	52.230.834.574
VNM	121.005.562.783	107.545.168.663
VRE	39.669.445.149	23.069.375.849
VRG	12.600.000.000	-
VTP	16.055.240.330	14.630.730.219
CNG	-	9.051.513.750
CTD	-	39.822.693.000
DVP	-	6.655.714.380
HCM	-	29.988.123.800
HTI	-	33.272.081.070
MIG	-	4.488.280.000
MSH	-	31.359.994.510
QNS	-	13.404.847.000
NTC	-	6.124.076.400
POW	-	1.510.350.300

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**16. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC (tiếp theo)**

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
<b>Trái phiếu</b>	<b>934.249.487.005</b>	<b>1.053.516.363.848</b>
<i>Chi tiết trái phiếu bị giảm giá:</i>		
BID121028	15.000.000.000	15.000.000.000
CTD122015	56.013.824.601	86.030.123.359
MSN120007	2.991.358.038	27.000.000.003
MSN120012	30.834.824.404	70.353.866.468
NPM08202301	5.049.647.500	24.827.228.572
TNG122017	31.785.848.460	40.841.110.926
VHM121025	46.032.873.066	29.306.314.239
VIBBOND19241	10.000.000.000	10.000.000.000
VN0MSN310823	1.014.098.500	50.000.000.000
VNNPMP080723	5.025.278.000	40.055.219.579
MML121021	-	70.353.866.468
VN0PC1190527	-	50.000.000.000
ASGH2225001	-	40.055.219.579
BCMh2124004	-	90.010.989.072
GEG121022	-	11.028.295.890
MSN121015	-	37.410.902.627
PC1H2227002	-	50.100.400.000
PC1H2227002	-	29.900.000.038
VIC121003	-	29.052.685.532
VIC121005	-	28.107.385.305
VN0ASG250525	-	40.461.405.586
VN0BCM180624	-	60.003.018.747
<b>Chứng chỉ tiền gửi/ Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>24.000.220.000</b>	<b>53.740.000.000</b>
	<b>3.248.597.292.127</b>	<b>2.828.102.542.650</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**17. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Lãi được nhận	16.111.251.738	17.824.199.198
Cổ tức được nhận	15.099.840.000	7.732.819.000
Thu từ bán chứng khoán	1.175.489.444	-
Phải thu khác	30.000.000	14.030.000.000
	<b>32.416.581.182</b>	<b>39.587.018.198</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	6.175.377.660	9.578.497.453
Phải trả mua chứng khoán	5.960.677.602	440.159.250
Phải trả khác	2.525.738.358	534.542.238
Phải trả phí lưu ký	129.189.068	114.710.265
	<b>14.790.982.688</b>	<b>10.667.909.206</b>

**19. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND
Phí quản lý từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (i)	18.156.651.964	17.432.996.951
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ (ii)	7.439.171.223	7.915.395.806
Phí thưởng hoạt động (iii)	440.723.337	382.332.292
Phí tư vấn đầu tư	637.159.091	625.022.728
Doanh thu khác	512.268.411	1.093.833.526
	<b>27.185.974.026</b>	<b>27.449.581.303</b>

- (i) Công ty quản lý danh mục đầu tư cho các khách hàng. Công ty được hưởng phí quản lý tính trên vốn ủy thác hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục đầu tư được ủy thác.
- (ii) Công ty hiện đang quản lý bốn quỹ là Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF, Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF, Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF và Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF. Theo quy định tại Điều lệ quỹ, Công ty được hưởng phí quản lý tính trên giá trị tài sản ròng của quỹ và được thanh toán hàng tháng.
- (iii) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư, Công ty được hưởng khoản phí thưởng hoạt động nếu giá trị tài sản ròng của danh mục ủy thác tăng cao hơn mức cơ bản được quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên	5.192.728.630	5.281.672.656
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.336.522.122	1.205.685.239
Chi phí khấu hao tài sản cố định	417.130.002	177.205.266
Chi phí bảo hiểm	159.508.408	183.203.856
Chi phí hoa hồng cho đại lý phân phối	77.374.049	82.268.109
Chi phí khác	896.698.039	781.428.122
	<b>8.079.961.250</b>	<b>7.711.463.248</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	5.185.013.093	4.669.404.325
Thu nhập lãi trái phiếu	2.041.610.567	1.374.275.340
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.486.709.602	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.600.000	4.020.198
	<b>8.716.933.262</b>	<b>6.047.699.863</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí hoạt động đầu tư (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	15.345.043 (8.187.158.875)	11.559 4.315.451.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.603.266	5.613.949
	<b>(8.164.210.566)</b>	<b>4.321.077.234</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Chi phí nhân viên	6.789.957.767	6.445.342.889
Chi phí thuê văn phòng	2.437.060.065	1.941.789.300
Chi phí tiếp tân, đối ngoại	851.721.457	309.701.161
Chi phí khấu hao tài sản cố định	337.549.284	338.702.148
Chi phí đi lại	302.356.793	207.281.741
Chi phí viễn thông	181.982.452	209.503.134
Chi phí thuế, phí và lệ phí	116.907.254	259.862.443
Chi phí khác	3.377.294.936	2.306.210.307
	<b>14.394.830.008</b>	<b>12.018.393.123</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% (2022: 20%) lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**24.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của giai đoạn tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)**

**24.2 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.592.326.596</b>	<b>9.446.347.561</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	4.318.465.319	1.889.269.512
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>147.869.306</b>	<b>19.197.939</b>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>7.892.640</i>	<i>19.197.939</i>
<i>Thuế TNDN bổ sung năm trước</i>	<i>139.976.666</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>4.466.334.625</b>	<b>1.908.467.451</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Chi phí thuế TNDN hiện hành</i>	<i>4.466.334.625</i>	<i>2.771.557.796</i>
- <i>Thu nhập thuế TNDN hoãn lại</i>	<i>-</i>	<i>(863.090.345)</i>

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Công ty. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Công ty nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
  - ▶ Kiểm soát, được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung với Công ty (bao gồm Công ty mẹ và các công ty con); hoặc
  - ▶ Có vốn góp vào Công ty và do đó có sự ảnh hưởng đáng kể tới Công ty; hoặc
  - ▶ Có quyền đồng kiểm soát Công ty.
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Công ty là một bên liên doanh, liên kết; hoặc
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành của Công ty hoặc Công ty mẹ; hoặc
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức được trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc quyền biểu quyết đáng kể trong tổ chức này tập trung vào, bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Tiền gửi không kỳ hạn	1.561.961.816	6.810.115.927
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải trả phí duy trì tài khoản Tiền gửi tài khoản chứng khoán	(10.877.705) 672.171.716	(10.577.932) 120.719.610
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Đặt cọc thuê văn phòng	449.482.950	449.482.950
Công ty Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Thành viên góp vốn	Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư Phải thu phí thường hoạt động Phải thu phí tư vấn đầu tư	1.895.032.197 - 351.225.001	1.791.223.404 4.045.014.985 351.150.000
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí hoa hồng – Thuế TNCN	13.393.639.981 257.309.803 26.107.201	13.393.639.981 282.838.768 112.724.055
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí hoa hồng – Thuế TNCN	13.734.999.981 560.729.957 85.065.392	13.734.999.981 557.297.017 84.531.959
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí hoa hồng – Thuế TNCN	50.795.457.817 7.448.749 8.577.661	55.000.000.000 7.606.545 51.230.165
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Quỹ do Công ty quản lý	Đầu tư vào chứng chỉ quỹ Phải thu phí quản lý quỹ Phải thu phí hoa hồng – Thuế TNCN	50.000.000.000 451.428.152 181.020.242	50.000.000.000 337.740.265 101.212.075



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ như sau:

<i>Giao dịch bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 VND</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	Thành viên góp vốn	Lãi tiền gửi	3.123.351	5.413.100
Công ty TNHH Chứng khoán hàng TMCP thương	Công ty Ngân ngoại tập đoàn	Chi phí duy trì tài khoản	(21.742.150)	(25.770.000)
		Lãi tiền gửi	1.862.095	-
Công ty TNHH ố Vietcombank 198	Công ty trong cùng tập đoàn	Chi phí thuê văn phòng	(988.862.490)	(941.773.800)
		Chi phí dịch vụ	(60.375.788)	(58.032.242)
Công ty Franklin Templeton Holdings Limited	Thành viên góp vốn	Phí quản lý danh mục đầu tư	3.698.264.059	3.420.607.287
		Phí tư vấn đầu tư	637.159.091	625.022.728
Quỹ Đầu tư bằng Chiến lược VCBF	Cân lược Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	1.529.287.969	1.896.179.937
		Phí hoa hồng	139.746.618	165.503.257
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF	Cổ Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	3.293.592.028	3.777.995.363
		Phí hoa hồng	138.251.414	267.054.801
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu VCBF	Trái Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	44.266.372	44.605.194
		Phí hoa hồng	8.265.578	29.589.866
Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tăng trưởng VCBF	Cổ Công ty quản lý	Phí quản lý quỹ	2.572.024.854	2.196.615.312
		Phí hoa hồng	226.004.801	631.688.602

Thu nhập Ban Điều hành trong kỳ như sau:

Ban Điều hành	Tiền lương và thưởng	(1.839.742.880)	(1.647.565.339)
---------------	----------------------	-----------------	-----------------

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**26.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

*Rủi ro tỷ giá*

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Công ty có các tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền bằng USD	<b>9.489.712</b>	<b>9.489.712</b>

Sau đây là những tỷ giá ngoại hối chính được Công ty áp dụng:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
USD/VND	23.410	23.410

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**26.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

*Rủi ro tỷ giá (tiếp theo)*

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất:

	<i>Mức tăng giả định %/năm</i>	<i>Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế VND</i>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>		
USD	+3%	284.691
USD	-3%	(284.691)

*Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn của Công ty vào các chứng chỉ quỹ và trái phiếu là 227.550.780.456 VND (giá trị ghi sổ: 172.402.926.105 VND). Nếu giá thị trường của các khoản đầu tư này giảm 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Công ty sẽ bị giảm: 6.388.530.950 VND do phải trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (31/12/2022: 20%, 16.612.658.606 VND).

**26.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng mà khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tại công ty chứng khoán, các khoản phải thu.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng và công ty chứng khoán được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**26. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**26.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:

	Bất kỳ thời điểm nào VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.262.409.390	-	-	-	2.262.409.390
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn - gộp	172.402.926.105	132.878.436.815	-	-	305.281.362.920
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	14.065.203.949	-	-	14.065.203.949
Phải thu dài hạn khác	-	-	30.000.000.000	10.000.000.000	40.000.000.000
	<b>174.665.335.495</b>	<b>146.943.640.764</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>361.608.976.259</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Phải trả người bán	-	267.345.920	-	-	267.345.920
Chi phí phải trả	-	78.184.496	-	-	78.184.496
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	5.029.563	-	-	5.029.563
	-	<b>350.559.979</b>	-	-	<b>350.559.979</b>
<b>Trạng thái thanh khoản ròng</b>	<b>174.665.335.495</b>	<b>146.593.080.785</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>361.309.459.310</b>

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**27. GIÁ TRỊ HỢP LÝ CỦA TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.262.409.390	6.986.641.370	2.262.409.390	6.986.641.370
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – gộp	305.281.362.920	290.373.490.777	360.429.217.271	328.185.070.343
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.065.203.949	51.475.747.417	(*)	(*)
Phải thu dài hạn khác	40.000.000.000	40.000.000.000	(*)	(*)
	<b>361.608.976.259</b>	<b>388.835.879.564</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	267.345.920	-	(*)	(*)
Chi phí phải trả	78.184.496	1.590.936.429	(*)	(*)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.029.563	552.074.724	(*)	(*)
	<b>350.559.979</b>	<b>2.143.011.153</b>		

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank**  
(trước đây là Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

**28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Tiền thuê văn phòng - Đến 1 năm	2.437.060.065	4.874.120.130

**29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

  

Bà Ngô Thị Lệ Quyên  
Kế toán viên

Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

